

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2020/ KDTM-ST

Ngày: 03 - 9 -2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và ông Trương Vĩnh Mai

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-KDTM ngày 06/9/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn số 14/2020/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ: xx đường L, phường LH, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, VPBank Hội sở.

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà A số xx C, phường x, Quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Dương T - Chuyên viên xử lý nợ (Vãng mặt) và ông Đặng Thành D – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 36751/2020/UQ-P.TGD ngày 15/5/2020 của Ngân hàng T)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà A số xx C, phường x, Quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Minh T– Chức vụ Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Căn 2, tầng 10, Block A – Khu căn hộ cao cấp H, số xx đường HV, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Minh T (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn 2, tầng 10, Block A – Khu căn hộ cao cấp H, số xx đường HV, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Công ty trách nhiệm hữu hạn D vay vốn tại Ngân hàng T– chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/18/0054/HDHM ngày 31/8/2018 với các nội dung như sau:

Khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HDHM -02 ngày 02/10/2018 số tiền vay 166.700.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 16,8%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 02/10/2018, ngày đến hạn 02/01/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

Khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HDHM -03 ngày 01/11/2018 số tiền vay 222.300.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 15,5%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 01/11/2018, ngày đến hạn 01/02/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

Ngày 29/8/2018 công ty D ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 50.000.000 đồng. Thời hạn 60 tháng. Lãi suất trong hạn 24%/năm.

Tổng cộng 389.000.000 đồng

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Đỗ Thị Minh T theo hợp đồng bảo lãnh số SME/DAK/18/0054/HDBL ngày 31/8/2018.

Trong quá trình sử dụng vốn công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng T đã nhiều lần liên hệ và làm việc với công ty TNHH D để yêu cầu hoàn trả số nợ vay nhưng công ty cố tình kéo dài nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH D phải trả một lần cho ngân hàng tổng số nợ 351.153.228 đồng, (tạm tính đến ngày 03/9/2020) trong đó nợ gốc 203.700.000 đồng, nợ lãi 92.864.104 đồng, nợ thẻ 54.589.124

đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp công ty không trả được thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

*** Bị đơn Công ty TNHH D và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T:** Mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc bị đơn công ty TNHH D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền nợ 351.153.228 đồng tính đến ngày 03/9/2020 và toàn bộ lãi suất phát sinh kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết nợ; Trường hợp công ty không thanh toán nợ thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Về án phí và chi phí tố tụng: Do chấp nhận đơn khởi kiện nên bị đơn phải chịu chi phí đăng thông báo và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D trả số tiền nợ gốc và lãi theo khế ước nhận nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty TNHH D, người đại diện theo pháp luật của Công ty đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bên phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có văn bản phản hồi và không có mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nợ gốc và lãi: Ngân hàng T vượng có ký hợp đồng cho vay hạn mức với Công ty TNHH D vào ngày 31/8/2018, hạn mức cho vay 500.000.000

đồng. Thời hạn 12 tháng. Phương thức cho vay vay theo hạn mức. Mỗi lần vay vốn, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay từng lần mà bên ngân hàng cấp cho bên vay.

Công ty D ký khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HDHM-02 ngày 02/10/2018 với Ngân hàng để vay số tiền 166.700.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 16,8%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 02/10/2018, ngày đến hạn 02/01/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

Khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HDHM -03 ngày 01/11/2018 số tiền vay 222.300.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 15,5%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 01/11/2018, ngày đến hạn 01/02/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

Ngày 29/8/2018 công ty TNHH D ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 50.000.000 đồng. Thời hạn 60 tháng. Lãi suất trong hạn 24%/năm.

Đến hạn nhưng công ty không thanh toán được nợ gốc và lãi nào theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nên số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH D. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt. Tòa án đã thực hiện đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đại diện theo pháp luật của công ty cố tình vắng mặt. Do đó theo quy định của pháp luật trường hợp này thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty TNHH D phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền 351.153.228 đồng, (tạm tính đến ngày 03/9/2020) trong đó nợ gốc 203.700.000 đồng, nợ lãi 92.864.104 đồng, nợ thẻ 54.589.124 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết số nợ theo các khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HĐHM-03 ngày 01/11/2018 và khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HĐHM-02 ngày 02/10/2018 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/8/2018 mà các bên đã ký là phù hợp theo Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận đối với yêu cầu này.

[2.2] Về bảo lãnh: Ngày 31/8/2018 bà Đỗ Thị Minh T ký hợp đồng bảo lãnh số SME/DAK/18/0054/HDBL với ngân hàng T. Các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh... bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng...nên hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp công ty TNHH D không trả được nợ thì bà Đỗ Thị Minh T có nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo sự thỏa thuận mà các bên đã ký kết là phù hợp theo hợp đồng bảo lãnh số SME/DAK /18/0054/HDBL ngày 31/8/2018 mà các bên đã ký kết.

[3] Về chi phí đăng thông báo: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng số tiền 2.425.000 đồng này nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH D phải chịu án phí DSST theo quy định

$351.153.228 \text{ đồng} \times 5\% = 17.558.000 \text{ đồng}$ (Mười bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn)

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí, và được nhận lại 6.864.000 đồng (Sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002356 ngày 05/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho Ngân hàng T số tiền 351.153.228 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn hai trăm hai mươi tám đồng) (tính đến ngày 03/9/2020), trong đó nợ gốc 203.700.000 đồng, nợ lãi 92.864.104 đồng, nợ thẻ 54.589.124 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết số nợ theo các khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HĐHM-03 ngày 01/11/2018 và khế ước nhận nợ số SME/DAK/18/0054/HĐHM-02 ngày 02/10/2018 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/8/2018 mà các bên đã ký.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn D không trả được nợ thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh số SME/DAK /18/0054/HDBL ngày 31/8/2018 đã ký.

* Về lệ phí đăng thông báo:Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 2.425.000 đồng tiền lệ phí đăng thông báo.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng chi phí đăng thông báo sau khi thu tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 17.558.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn*) tiền án phí DSST theo quy định.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí, và được nhận lại 6.864.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002356 ngày 05/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc